

UNCLOS, PHÁN QUYẾT BIỂN ĐÔNG 2016 VÀ COC: HÀM Ý PHÁP LÝ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TRƯƠNG MINH QUÂN

Sinh viên, Học viện Ngoại giao

Student, Diplomatic Academy of Viet Nam

Mã số sinh viên: LQT51C10906

Email: truongminhquan.420@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/8/2026

Ngày sửa bài: 20/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 7/9/2026

Tóm tắt:

10 năm sau Phán quyết ngày 12/7/2016 trong Vụ Trọng tài Biển Đông, đàm phán Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) đứng trước yêu cầu chuyển cam kết chính trị thành một khuôn khổ ứng xử có hiệu lực và thực chất. Bằng phương pháp nghiên cứu luật học kết hợp phân tích định tính văn kiện, bài viết làm rõ quan hệ giữa cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS, Phán quyết 2016 và tiến trình COC. Kết quả cho thấy, Phán quyết không phải là điểm khởi đầu của tiến trình COC, nhưng đã làm rõ môi trường pháp lý mà COC cần tôn trọng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất 5 yêu cầu pháp lý đối với một COC hiệu lực, thực chất và phân tích các ưu tiên đối với Việt Nam.

Từ khóa: UNCLOS, Phán quyết Biển Đông 2016, COC, Việt Nam, giải quyết tranh chấp

UNCLOS, the 2016 South China Sea Award, and the COC: Legal implications for Vietnam

Abstract:

Ten years after the Award of 12 July 2016 in the South China Sea Arbitration, negotiations on the Code of Conduct in the South China Sea (COC) face the challenge of translating political commitments into an effective and substantive framework of conduct. Using doctrinal legal research combined with qualitative document analysis, this study examines the relationship among the dispute settlement mechanisms under UNCLOS, the 2016 Award, and the COC process. The findings show that the Award did not initiate the COC process but clarified the legal framework within which a future COC should operate. On this basis, the study identifies five legal requirements for an effective and substantive COC and analyzes the corresponding priorities for Vietnam.

Keywords: UNCLOS, 2016 South China Sea Award, COC, Vietnam, dispute settlement

1. Đặt vấn đề

Ngày 12/7/2026 đánh dấu 10 Tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) ban hành Phán quyết cuối cùng trong Vụ Trọng tài Biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc. Phán quyết làm rõ nhiều vấn đề về nguồn gốc quyền trên biển, quy chế pháp lý của các thực thể và phạm vi quyền của quốc gia ven biển theo UNCLOS (Permanent Court of Arbitration [PCA], 2016, paras. 225-278, 473-647). Phán quyết không giải quyết chủ quyền lãnh thổ đối với các đảo và cũng không phân định ranh giới biển, nhưng có ý nghĩa đáng kể đối với cách hiểu và áp dụng Công ước.

Cùng thời điểm đó, ASEAN và Trung Quốc tiếp tục đàm phán Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (Code of Conduct in the South China Sea - COC). Tuyên bố chung Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 59 ghi nhận mục tiêu hoàn tất một COC “hiệu lực và thực chất”, phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS năm 1982; đồng thời nhấn mạnh các biện pháp giảm căng thẳng, tai nạn, hiểu nhầm và tính toán sai (ASEAN, 2026, para. 178). Vì vậy, vấn đề không chỉ là đạt được một văn kiện chung, mà là thiết kế COC sao cho hỗ trợ quản trị bất đồng mà không làm suy giảm khuôn khổ pháp lý hiện hành.

Các nghiên cứu trước thường tập trung riêng vào UNCLOS và Vụ Trọng tài, hoặc vào lịch sử đàm phán COC và lập trường của các bên. Khoảng trống cần tiếp tục làm rõ là mối liên hệ giữa 2 quá trình: những vấn đề pháp lý được Phán quyết 2016 giải thích có ý nghĩa gì đối với cấu trúc của COC và lợi ích pháp lý của Việt Nam. Bài viết trả lời 2 câu hỏi: Phán quyết 2016 làm rõ những vấn đề nào có liên quan đến COC; và COC cần đáp ứng những yêu cầu pháp lý nào để không làm suy giảm quyền, nghĩa vụ của các quốc gia theo UNCLOS? Luận điểm trung tâm là Phán quyết không phải là điểm khởi đầu của tiến trình COC, nhưng làm rõ môi trường pháp lý mà COC được đàm phán. Đóng góp của bài viết là hệ thống hóa 5 yêu cầu pháp lý tối thiểu và chỉ ra các ưu tiên tương ứng đối với Việt Nam.

2. Cơ sở phân tích và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Beckman (2013) nhấn mạnh sự phân biệt giữa chủ quyền lãnh thổ và quyền trên biển: UNCLOS không xác định quốc gia nào có chủ quyền đối với một đảo, nhưng quy định các vùng biển mà lãnh thổ đất liền hoặc đảo có thể tạo ra, cùng quyền và nghĩa vụ trong các vùng biển đó. Về COC, Thayer (2013) cho thấy tiến trình xây dựng quy tắc ứng xử có lịch sử lâu hơn Vụ Trọng tài; Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 (DOC) là bước thỏa hiệp khi các bên chưa đạt được một COC cụ thể hơn. Đối với Việt Nam, Lê Hồng Hiệp (2019) phân tích các vấn đề như phạm vi địa lý, tính chất pháp lý và giải quyết tranh chấp trong giai đoạn đầu của Văn bản Đàm phán Dự thảo Duy nhất. Tuy nhiên, tài liệu đàm phán ở một thời điểm không thể được đồng nhất với nội dung cuối cùng của COC hoặc toàn bộ lập trường chính thức hiện nay.

Một hướng nghiên cứu phản biện cho rằng, Tòa trọng tài đã giải thích rộng thẩm quyền theo Phần XV UNCLOS và chưa đánh giá thỏa đáng Điều 281 cùng các thỏa thuận khu vực (Chinese Society of International Law, 2018). Việc ghi nhận quan điểm này giúp tránh cách trình bày một chiều, đồng thời cho thấy COC cần quy định minh bạch quan hệ giữa cơ chế khu vực và cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS. Khoảng trống mà bài viết tập trung là chuyển các kết quả giải thích và tranh luận đó thành những tiêu chí pháp lý có thể dùng để đánh giá thiết kế COC.

2.2. Cơ sở phân tích

Khung phân tích dựa trên 3 phân biệt. Thứ nhất, chủ quyền đối với đảo thuộc luật quốc tế về chủ quyền lãnh thổ, còn quyền đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa chủ yếu do UNCLOS điều chỉnh; vì thế Phán quyết 2016 không quyết định chủ quyền lãnh thổ đối với Hoàng Sa, Trường Sa (PCA, 2015, paras. 150-153). Thứ hai, cần phân biệt cam kết chính trị với nghĩa vụ pháp lý: một văn kiện có giá trị chính trị không đương nhiên tạo ra nghĩa vụ pháp lý hoặc loại trừ thủ tục theo Phần XV UNCLOS. Thứ ba, cần phân biệt hiệu lực ràng buộc với giá trị tham khảo của phán quyết. Theo Điều 296 UNCLOS, quyết định chỉ ràng buộc các bên tranh chấp; tuy nhiên, lập luận của Tòa vẫn là nguồn tham khảo quan trọng khi giải thích và áp dụng Công ước (United Nations, 1982, art. 296).

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu luật học, kết hợp phân tích định tính văn kiện. Nguồn sơ cấp gồm UNCLOS, DOC, Phán quyết về Thảm quyền và Khả năng thụ lý năm 2015, Phán quyết năm 2016, Luật Biển Việt Nam năm 2012, văn kiện ASEAN và tuyên bố chính thức của Việt Nam. Nguồn học thuật được dùng để đối chiếu các cách giải thích khác nhau. Nghiên cứu cập nhật văn kiện chính thức đến tháng 8/2026; thông tin từ tài liệu đàm phán cũ chỉ được sử dụng để nhận diện lịch sử vấn đề, không được coi là bằng chứng về dự thảo COC hiện hành nếu chưa được công khai.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Phán quyết 2016: giá trị và giới hạn pháp lý

Phần XV UNCLOS kết hợp quyền lựa chọn biện pháp hòa bình của các bên với thủ tục bắt buộc dẫn đến quyết định ràng buộc trong những điều kiện nhất định. Điều 287 cho phép quốc gia thành viên lựa chọn Tòa án Quốc tế về Luật Biển, Tòa án Công lý quốc tế, trọng tài theo Phụ lục VII hoặc trọng tài đặc biệt theo Phụ lục VIII. Khi các bên không có cùng lựa chọn, trọng tài Phụ lục VII về nguyên tắc là cơ chế mặc định. Trong Vụ Trọng tài Biển Đông, Trung Quốc không tham gia tố tụng; tuy nhiên, Điều 9 Phụ lục VII quy định sự vắng mặt của một bên không làm đình chỉ thủ tục và Tòa vẫn phải tự xác định thẩm quyền cũng như cơ sở của yêu cầu (United Nations, 1982, annex VII, art. 9).

Tranh luận quan trọng liên quan đến tác động của DOC đối với Điều 281 UNCLOS. Tòa cho rằng, DOC là văn kiện chính trị, không phải thỏa thuận ràng buộc nhằm loại trừ thủ tục theo Phần XV (PCA, 2015, paras. 212-289). Nhận định này bị một số học giả phản bác, nhưng chính sự bất đồng đó cho thấy một COC tương lai cần xác định rõ bản chất pháp lý và quan hệ với các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện có.

Về nội dung, Tòa nhận định UNCLOS quy định toàn diện phạm vi quyền đối với các vùng biển và không duy trì “quyền lịch sử” đối với tài nguyên vượt quá những quyền Công ước cho phép. Tòa cũng kết luận các thực thể ở Trường Sa được xem xét trong vụ việc không có khả năng tạo EEZ hoặc thềm lục địa riêng theo Điều 121(3) trong điều kiện tự nhiên (PCA, 2016, paras. 225-278, 473-647). Đối với COC, giá trị của Phán quyết nằm ở việc củng cố ba điểm: quyền trên biển phải được đặt trong khuôn khổ UNCLOS; quy chế thực thể phải dựa vào tiêu chí của Công ước; và thỏa thuận khu vực không mặc nhiên loại trừ thủ tục theo Phần XV.

3.2. Quá trình phát triển từ DOC đến COC

DOC năm 2002 khẳng định các nguyên tắc giải quyết hòa bình tranh chấp, kiềm chế, xây dựng lòng tin và hợp tác. Khoản 10 DOC đã ghi nhận mục tiêu hướng tới COC trên cơ sở đồng thuận (ASEAN, 2002,

para. 10). Do đó, Phán quyết 2016 không tạo ra quá trình chuyển từ DOC sang COC; đóng góp của Phán quyết là làm rõ bối cảnh pháp lý của tiến trình vốn đã tồn tại.

Tuyên bố chung ASEAN năm 2026 tiếp tục yêu cầu thực hiện đầy đủ, hiệu quả DOC và hướng tới COC phù hợp luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS (ASEAN, 2026, paras. 177-178). COC vì thế không nên được nhìn như cơ chế thay thế UNCLOS. Văn kiện này có thể bổ sung quy tắc cụ thể về quản lý hành vi, phòng ngừa sự cố và xây dựng lòng tin, nhưng phải vận hành trên nền tảng quyền và nghĩa vụ mà UNCLOS đã xác lập.

3.3. 5 yêu cầu pháp lý đối với một COC hiệu lực và thực chất

3.3.1. Khẳng định rõ quan hệ với UNCLOS

COC không nên được thiết kế như khuôn khổ song song hoặc thay thế UNCLOS. Cần có điều khoản khẳng định việc giải thích và thực hiện COC phải phù hợp với UNCLOS, không làm giảm các quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên. Một điều khoản bảo lưu quyền (without prejudice/non-derogation) còn giúp tránh cách hiểu tham gia COC đồng nghĩa từ bỏ quyền theo UNCLOS hoặc công nhận hay phủ nhận một yêu sách chủ quyền. COC là công cụ quản lý hành vi và rủi ro, không phải cơ chế phân xử chủ quyền lãnh thổ.

3.3.2. Xác định phạm vi áp dụng mà không định kiến chủ quyền

Phạm vi địa lý là vấn đề khó: quy định quá hẹp có thể bỏ sót nơi thường xảy ra va chạm; quy định quá rộng hoặc dùng ngôn ngữ gắn với một yêu sách có thể phương hại lập trường pháp lý của các bên (Lê Hồng Hiệp, 2019). Một phương án là kết hợp phạm vi địa lý với phạm vi chức năng: xác định các hành vi và tình huống COC điều chỉnh tại Biển Đông, đồng thời ghi rõ việc áp dụng không ảnh hưởng đến yêu sách chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán hoặc phân định biển. Cách tiếp cận này cho phép quản lý hành vi trước khi giải quyết toàn bộ bất đồng về chủ quyền.

3.3.3. Làm rõ tính ràng buộc và cơ chế tuân thủ

Một COC “hiệu lực và thực chất” không thể chỉ lặp lại DOC. Tính ràng buộc được xác định bởi ý định của các bên, ngôn ngữ nghĩa vụ, thủ tục có hiệu lực và cơ chế thực hiện. Nếu mục tiêu là tạo nghĩa vụ pháp lý, văn bản cần xác định rõ chủ thể chịu nghĩa vụ, thời điểm có hiệu lực, cơ chế sửa đổi, đầu mối liên lạc và phương thức giám sát. Không nhất thiết mọi vi phạm đều gắn với chế tài cưỡng chế, nhưng phải có quy trình thông báo, tham vấn, xử lý sự cố và đánh giá định kỳ. Chất lượng của cơ chế thực hiện quan trọng hơn việc chỉ gắn nhãn “ràng buộc” cho văn kiện.

3.3.4. Không làm suy giảm cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS

Điều 281 UNCLOS cho phép các quốc gia lựa chọn biện pháp hòa bình riêng và quy định điều kiện áp dụng các thủ tục tiếp theo khi biện pháp đó không mang lại giải pháp. Quan hệ giữa DOC, các thỏa thuận song phương và Điều 281 từng là trọng tâm tranh luận về thẩm quyền trong Vụ Trọng tài (PCA, 2015, paras. 212-289). COC vì vậy cần quy định minh bạch quan hệ giữa cơ chế của chính mình với những phương thức mà luật quốc tế, đặc biệt là UNCLOS, dành cho các bên. Có thể ưu tiên đàm phán, trung gian hoặc hòa giải để xử lý sự cố, nhưng sự ưu tiên đó không mặc nhiên loại trừ Phần XV UNCLOS.

3.3.5. Cụ thể hóa nghĩa vụ kiềm chế và hợp tác

DOC đã nêu nguyên tắc kiềm chế và tránh hoạt động làm phức tạp tranh chấp, nhưng kinh nghiệm hơn hai thập niên cho thấy khoảng cách lớn giữa nguyên tắc chung và hành vi cụ thể. COC cần chuyển các

mệnh đề khái quát thành chuẩn mực có thể thực hiện trong những lĩnh vực như an toàn hàng hải, tránh va chạm, liên lạc khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ môi trường biển và hợp tác phù hợp. Mức độ chi tiết phải cân bằng: quá chung sẽ khó thay đổi hành vi, còn cố giải quyết cả chủ quyền và phân định biển sẽ làm COC quá tải. Trọng tâm hợp lý là những hành vi các bên có thể kiểm soát mà không phải từ bỏ lập trường chủ quyền.

3.4. Hàm ý đối với Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam cần tiếp tục xác định UNCLOS là nền tảng pháp lý của trật tự trên biển. Luật Biển Việt Nam năm 2012 nội luật hóa nhiều quy định về các vùng biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo (Quốc hội, 2012). Đồng thời, cần phân biệt nhất quán giữa việc khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa với việc xác định các vùng biển theo UNCLOS; Công ước không tự quyết định chủ quyền lãnh thổ đối với hai quần đảo.

Thứ hai, Việt Nam có cơ sở duy trì đồng thời các biện pháp ngoại giao và pháp lý. Tuyên bố của Bộ Ngoại giao nhân mười năm Phán quyết khẳng định tranh chấp biển phải được giải quyết bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng đầy đủ các tiến trình ngoại giao và pháp lý, phù hợp luật quốc tế, đặc biệt là UNCLOS; đồng thời xác định UNCLOS là cơ sở pháp lý duy nhất quy định toàn diện phạm vi quyền trên biển (Ministry of Foreign Affairs of Viet Nam, 2026). Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng đối ngoại kiên định mục tiêu, nguyên tắc nhưng linh hoạt về phương pháp và bước đi, tôn trọng luật pháp quốc tế (Tô Lâm, 2026).

Thứ ba, lợi ích của Việt Nam không chỉ nằm ở việc COC được gọi là “ràng buộc”, mà ở chất lượng của sự ràng buộc. Các ưu tiên cần được đánh giá như một chỉnh thể: quan hệ rõ với UNCLOS; phạm vi áp dụng không định kiến chủ quyền; bảo lưu quyền chủ quyền và quyền tài phán; nghĩa vụ đủ cụ thể; đầu mối thực hiện; cơ chế liên lạc, xử lý sự cố và giám sát tuân thủ. Một điều khoản mạnh về nguyên tắc nhưng thiếu thủ tục thực hiện khó tạo thay đổi trên thực địa.

Thứ tư, cần sử dụng Phán quyết 2016 như nguồn tham khảo pháp lý, không tuyệt đối hóa và cũng không phủ nhận. Phán quyết chỉ ràng buộc Philippines và Trung Quốc trong vụ việc, nhưng các giải thích về quyền trên biển, quy chế thực thể và giới hạn của thỏa thuận khu vực có giá trị tham khảo đối với việc xây dựng lập trường. Trong đàm phán, Việt Nam có thể thúc đẩy các quy tắc quản lý hành vi và phòng ngừa sự cố, đồng thời bảo lưu đầy đủ quyền theo UNCLOS. Đây là cách kết hợp quản trị bất đồng bằng ngoại giao với việc duy trì nền tảng pháp lý, phù hợp mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong môi trường hòa bình, ổn định.

4. Kết luận

10 năm sau Phán quyết 2016, giá trị pháp lý bền vững của Vụ Trọng tài nằm ở việc làm rõ một số vấn đề về nguồn gốc quyền trên biển, quy chế thực thể và cơ chế giải quyết tranh chấp theo UNCLOS. Phán quyết không phải là điểm khởi đầu của tiến trình COC; DOC năm 2002 đã dự liệu mục tiêu này. Tuy nhiên, Phán quyết góp phần xác định môi trường pháp lý mà COC cần tôn trọng.

Một COC hiệu lực và thực chất cần đáp ứng năm yêu cầu: khẳng định quan hệ không làm suy giảm UNCLOS; xác định phạm vi áp dụng không định kiến chủ quyền và phân định biển; làm rõ tính ràng buộc cùng cơ chế tuân thủ; quy định minh bạch quan hệ với cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS; và cụ thể hóa nghĩa vụ kiềm chế, hợp tác thành chuẩn mực có khả năng thực hiện. Đối với Việt Nam, UNCLOS và COC không phải hai lựa chọn thay thế. UNCLOS xác lập quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ

bản; COC có thể bổ sung quy tắc quản lý hành vi và phòng ngừa sự cố. Vì vậy, thước đo của COC không chỉ là việc ký kết, mà là khả năng củng cố trật tự dựa trên UNCLOS và tạo ra cơ chế ứng xử có hiệu quả trong thực tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tô Lâm. (2026). Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 33. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-tai-hoi-nghi-ngoai-giao-lan-thu-33-102260801151856289.htm>

ASEAN. (2002, November 4). Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea. <https://asean.org/declaration-on-the-conduct-of-parties-in-the-south-china-sea-2/>

ASEAN. (2026, July 21). Joint communiqué of the 59th ASEAN Foreign Ministers' Meeting. <https://asean.org/wp-content/uploads/2026/07/FINAL-Joint-Communique%CC%81-of-the-59th-ASEAN-Foreign-Ministers-Meeting-21-July-2026.pdf>

Beckman, R. (2013). The UN Convention on the Law of the Sea and the maritime disputes in the South China Sea. *American Journal of International Law*, 107(1), 142-163. <https://doi.org/10.5305/amerjintelaw.107.1.0142>

Chinese Society of International Law. (2018). The South China Sea Arbitration Awards: A critical study. *Chinese Journal of International Law*, 17(2), 207-748. <https://doi.org/10.1093/chinesejil/jmy012>

Lê Hồng Hiệp. (2019). Vietnam's position on the South China Sea Code of Conduct (ISEAS Perspective No. 22). ISEAS - Yusof Ishak Institute. https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/pdfs/ISEAS_Perspective_2019_22.pdf

Ministry of Foreign Affairs of Viet Nam. (2026, July 12). Spokesperson Pham Thu Hang's response on the 10th anniversary of the Award in the arbitration between the Philippines and China. <https://mofa.gov.vn/web/ministry-of-foreign-affairs/detail/chi-tiet/spokesperson-for-the-ministry-of-foreign-affairs-of-vietnam-pham-thu-hang-response-to-a-reporter-39-s-request-for-vietnam-39-s-comment-on-the-10th-anniversary-of-the-award-in-the-arbitration-constituted-under-annex-vii-to-the-1982-united-nations-convention-on-the-law-of-the-sea-between-the-philippines-and-china-60848-178.html>

Permanent Court of Arbitration. (2015, October 29). The South China Sea Arbitration (The Republic of the Philippines v. The People's Republic of China): Award on jurisdiction and admissibility (PCA Case No. 2013-19). <https://pca-cpa.org/en/cases/7/>

Permanent Court of Arbitration. (2016, July 12). The South China Sea Arbitration (The Republic of the Philippines v. The People's Republic of China): Award (PCA Case No. 2013-19). <https://docs.pca-cpa.org/2016/07/PH-CN-20160712-Award.pdf>

Quốc hội. (2012). Luật Biển Việt Nam (Luật số 18/2012/QH13, ngày 21/6/2012).

Thayer, C. A. (2013). ASEAN, China and the Code of Conduct in the South China Sea. *SAIS Review of International Affairs*, 33(2), 75-84. <https://doi.org/10.1353/sais.2013.0022>

United Nations. (1982, December 10). United Nations Convention on the Law of the Sea. https://www.un.org/depts/los/convention_agreements/texts/unclos/unclos_e.pdf